

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 31/8/2023.

“V/v: Ly hôn giữa bà N và ông H”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Tư.

2. Bà Vương Thị Hội.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Kiểm sát viên (KSV).

Trong ngày 31/8/2023, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GD) thụ lý số: 104/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2023 về tranh chấp: ***“Kiện xin ly hôn”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thu N, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh G.

- Bị đơn: Ông Lê Hùng H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh G.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Kê Gà, xã T, huyện H, tỉnh B.

Bà N và ông H vắng mặt nhưng có đơn và yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Thu N và ông Lê Hùng H qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (ĐKKH) tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Nhơn Thọ, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định vào ngày 23/12/1997.

Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà N trình bày là do ông bà không hợp tính tình nhau, khác nhau về suy nghĩ và quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, nặng nề, không hạnh phúc, hay xảy ra cãi vã,

xích mích. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể hoà giải được nên ông bà đã sống ly thân với nhau đến nay đã hơn 04 năm. Vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về phía ông H, ông có quan điểm không đồng ý ly hôn với bà N vì đúng là mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ tháng 11/2022 nhưng không trầm trọng. Nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống chung; ông H đi giám sát công trình ở huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, vì công việc phải theo công trình nên ông một năm chỉ về nhà được một lần nên bà N cho rằng ông không quan tâm đến gia đình, vợ con.

2. Về con chung: Bà N và ông H có 02 con chung tên Lê Hồng P, sinh năm 1998 và Lê Hồng Đ, sinh năm 2000. Do các con chung đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà N và ông H tự nguyện thoả thuận giải quyết về tài sản chung nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà N và ông H không có nợ chung nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy đăng ký kết hôn mang tên Đặng Thị Thu N và Lê Hùng H (*bản chính*), 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Đặng Thị Thu N (*bản sao*), 02 Căn cước công dân mang tên Đặng Thị Thu N và Lê Hồng Phúc (*đều là bản sao*).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Bà N và ông H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã Nhơn Thọ, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định vào ngày 23/12/1997; ông bà có 02 con chung tên Lê Hồng Phúc, sinh năm 1998 và Lê Hồng Đức, sinh năm 2000. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do bà N giao nộp là Giấy đăng ký kết hôn mang tên Đặng Thị Thu N và Lê Hùng H (*bản chính*), Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Đặng Thị Thu N (*bản sao*), 02 Căn cước công dân mang tên Đặng Thị Thu N và Lê Hồng Phúc (*đều là bản sao*).

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 108, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS năm 2015); các Điều 51, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình (HN&GD) năm 2014; Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thu N, xử cho bà N được ly hôn với ông Lê Hùng H; bà N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm (LHST) theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Đặng Thị Thu N có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa bà và ông Lê Hùng H, ông H cũng đồng ý đề TAND huyện Kbang giải quyết vụ án. Vì vậy, theo

quy định tại các Điều 35 và 39 của BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã Nhơn Thọ, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định vào ngày 23/12/1997 nên quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, giữa ông bà đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà N trình bày là do ông bà không hợp tính tình nhau, khác nhau về suy nghĩ và quan điểm sống, ông bà không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống ngày càng căng thẳng, nặng nề, không hạnh phúc, hay xảy ra cãi vã, xích mích, xô xát nhau; do mâu thuẫn vợ chồng không thể hoà giải được nên ông bà đã sống ly thân với nhau đến nay đã hơn 4 năm. Qua xác minh chính quyền địa phương thì nội dung mâu thuẫn vợ chồng bà N trình bày ở trên là đúng sự thật.

Về phía ông H, ông đồng ý là ông bà có phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa thực sự trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn với bà N. Tuy nhiên, ông lại đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải và xét xử vụ án nên việc hòa giải cho ông bà đoàn tụ gia đình không thực hiện được. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật HN&GD năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, xử cho bà N được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Bà N và ông H có 02 con chung tên Lê Hồng Phúc, sinh năm 1998 và Lê Hồng Đức, sinh năm 2000. Do các con chung đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà N và ông H tự thoả thuận giải quyết về tài sản chung nên ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà N và ông H không có nợ chung nên ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm (LHST): Bà N phải chịu theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 108, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của BLTTDS năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 51, 56 và 57 của Luật HN&GD năm 2014;
- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thu N, xử cho bà N được ly hôn với ông Lê Hùng H.

2. Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí LHST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ

phí Tòa án số: 0003884 ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; bà N đã nộp đủ án phí LHST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Kbang;
- Chi cục THADS Kbang;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

